

CÔNG CUỘC CẢI TỔ VÀ SỰ SỤP ĐỔ CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở LIÊN XÔ - MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN QUYẾT*

Tóm tắt: Vào những năm 80 của thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô lâm vào khủng hoảng, trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Liên Xô đứng đầu là M.Gorbachev đã tiến hành công cuộc cải tổ. Tuy nhiên, quá trình cải tổ đã mắc phải những sai lầm nghiêm trọng làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ. Bài viết dưới đây phân tích công cuộc cải tổ và sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đồng thời nêu những bài học kinh nghiệm đối với công cuộc đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Từ khóa: Cải tổ, Liên Xô, M.Gorbachev, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

1. Khái lược bối cảnh

Ở Liên Xô, nhận thức về giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử khác nhau. Năm 1939, Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Liên Xô xác nhận rằng, Liên Xô đã hoàn thành việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đang từng bước quá độ sang chủ nghĩa cộng sản. Năm 1952, Điều lệ Đảng Cộng sản Liên Xô nhấn mạnh: “Liên Xô đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng Cộng sản Liên Xô hiện nay là từng bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản..., xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa đã trở thành nhiệm vụ thực tế của nhân dân các dân tộc Liên Xô”⁽¹⁾.

Tháng 1/1959, Báo cáo Chính trị Đại hội XXI Đảng Cộng sản Liên Xô nhận định: “Nhiệm vụ chủ yếu của thời kỳ này là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản”⁽²⁾. Đại hội XXII (1961) tiếp tục nhấn mạnh: “Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Liên Xô là cương lĩnh xây dựng xã hội cộng sản, việc xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa đã trở thành nhiệm vụ thực tiễn, trực tiếp của nhân dân Liên Xô”⁽³⁾. Tuy nhiên, từ năm 1964, khi Brezhnev lên cầm quyền, nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có sự thay đổi. Đại hội XXIV (1971), Đảng Cộng sản Liên Xô khẳng định, Liên Xô chưa bước vào chủ nghĩa cộng sản mà mới ở giai đoạn “chủ nghĩa xã hội phát triển”.

Năm 1982, dưới thời kỳ Y.V. Andropov, một khái niệm mới được đưa ra để chỉ trình độ phát

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
1 - Viện Nghiên cứu lịch sử phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc: *Lịch sử chủ nghĩa Mác*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 113 - 114.

2 - *Sđđ*, tr. 115.

3 - *Sđđ*, tr. 117.

triển của Liên Xô là “thời kỳ đầu của chủ nghĩa xã hội phát triển”, khẳng định chủ nghĩa xã hội là giai đoạn lịch sử lâu dài, hiện tại Liên Xô mới chỉ ở giai đoạn đầu của quá trình đó.

Điều này cho thấy, giai đoạn trước năm 1985, nhận thức về thực chất Liên Xô đang ở trình độ nào trong xây dựng chủ nghĩa xã hội có sự khác nhau, nhưng điểm chung đều cho rằng đã qua thời kỳ quá độ, đang ở chủ nghĩa xã hội, từng bước quá độ sang xã hội cộng sản.

Tuy nhiên, vào thập niên 80 của thế kỷ XX, kinh tế - xã hội của Liên Xô lâm vào suy thoái, khủng hoảng nghiêm trọng. Biểu hiện cụ thể như: “thu nhập quốc dân giảm 2,5 lần, sản xuất công nghiệp giảm 2,5 lần, nông nghiệp giảm 3,5 lần, thu nhập thực tế của người dân giảm 3 lần, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn”⁽⁴⁾. Trước bối cảnh đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là phải nhận thức lại Liên Xô đang ở trình độ nào, tại sao kinh tế - xã hội lại lâm vào khủng hoảng như vậy?

2. Công cuộc cải tổ và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô giai đoạn 1985 - 1991

Từ năm 1985, khi M.Gorbachev trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, nhận thức về “giai đoạn phát triển” đã có những sự thay đổi. Về tổng thể, Đảng Cộng sản Liên Xô vẫn khẳng định đất nước Liên Xô đã bước vào giai đoạn “chủ nghĩa xã hội phát triển” nhưng nhiều mặt còn hạn chế nên đặt ra nhiệm vụ trước mắt là “hoàn thiện chủ nghĩa xã hội”.

Từ Đại hội lần thứ XXVII (1986), Gorbachev đưa ra khái niệm mới để diễn tả

về thực trạng trình độ phát triển của Liên Xô là “chủ nghĩa xã hội đang phát triển”. Ngày 1/10/1986, trong bài nói chuyện tại Hội nghị Chủ nhiệm bộ môn nghiên cứu, giảng dạy khoa học xã hội của các trường Đại học, Cao đẳng toàn liên bang, Ông nhấn mạnh: “Nếu như hoạt động tư tưởng, lý luận không được đẩy mạnh, nếu như không hoàn thiện những biện pháp thực tế về quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội đang phát triển một cách khoa học, đáng tin cậy, thì không thể nói đến phương châm thực hiện nhanh chóng cuộc cải cách và đạt tới trạng thái mới về chất của chế độ Xô viết”⁽⁵⁾. Như vậy, một khái niệm mới được nhắc tới là “chủ nghĩa xã hội đang phát triển” với hàm ý rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô không phải là đứng im, bất biến mà là một xã hội vận động, biến đổi, phát triển không ngừng. Mặt khác, cũng chính thức thừa nhận, vì đang trong quá trình phát triển nên có những mặt, yếu tố chưa hoàn thiện, do vậy, cần phải hoàn thiện chủ nghĩa xã hội. Đây chính là cơ sở lý luận để tiến hành công cuộc cải tổ sau này. Khái niệm “chủ nghĩa xã hội đang phát triển” được nêu ra dần thay thế cho quan niệm “chủ nghĩa xã hội phát triển” trước đó. Đây không phải là sự thay đổi ngẫu nhiên, tùy tiện mà là sự phản ánh nhận thức của Đảng Cộng sản Liên Xô về thực trạng trình độ phát triển của mình đang ở đâu.

Từ cuối năm 1988, nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có sự thay đổi. Thay

4 - Nguyễn Anh Thái (chủ biên): *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 499.

5 - Viện Nghiên cứu lịch sử phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc: *Lịch sử chủ nghĩa Mác*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 4, tr. 857.

vì nêu mục tiêu tiến lên chủ nghĩa cộng sản, Đảng Cộng sản Liên Xô đứng đầu là Gorbachev đưa ra lý luận về “chủ nghĩa xã hội dân chủ nhân đạo”. Ngày 26/11/1989, trong bài “*Chủ nghĩa xã hội và công cuộc cải tổ mang tính cách mạng*”, lần đầu tiên Gorbachev nêu rõ rằng, Liên Xô hiện nay vẫn đang ở “giai đoạn đầu” của chủ nghĩa xã hội. Đặc điểm cơ bản của giai đoạn này là trình độ phát triển lực lượng sản xuất, khoa học kỹ thuật còn thấp. Cũng trong bài này, nhiều nhận thức, đánh giá mới về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô được nêu ra. Điểm đáng lưu ý, đã có một số luận điểm phủ nhận thành tựu chủ nghĩa xã hội trước đây, cho rằng đó là thứ “chủ nghĩa xã hội biến dạng, quan liêu, mệnh lệnh hành chính, thiếu dân chủ...”⁽⁶⁾. Từ đó, đặt ra nhiệm vụ cấp thiết là phải nhận thức lại đặc trưng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bước ngoặt trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô diễn ra vào khoảng những năm 90 của thế kỷ XX, Đại hội lần thứ XXVIII Đảng Cộng sản Liên Xô (1990), cơ bản đã phủ nhận chủ nghĩa xã hội hiện thực tồn tại ở Liên Xô, gọi đó là: “hình thức xã hội hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa xã hội” là “chế độ quan liêu, mệnh lệnh, quan liêu cực quyền, chủ nghĩa xã hội trại lính...”⁽⁷⁾ cho nên, nhiệm vụ đặt ra là phải thanh toán chế độ quan liêu đó, chuyển sang chế độ dân chủ, nhân đạo. Chủ nghĩa xã hội dân chủ nhân đạo được nhận thức và thực hiện trên những phương diện chính như sau:

Về kinh tế, trong quan hệ sở hữu, Liên Xô từng bước chuyển từ chế độ sở hữu nhà

nước sang chế độ sở hữu tư nhân một số ngành kinh tế (trừ các ngành công nghiệp quốc phòng, công nghiệp nặng). Chuyển từ chế độ kế hoạch hóa tập trung sang tự hạch toán, dùng các biện pháp kinh tế để quản lý kinh tế thay cho mệnh lệnh hành chính; kết hợp giữa quản lý vĩ mô của nhà nước với tự hạch toán các xí nghiệp. Về cơ chế quản lý kinh tế, chuyển từ kinh tế kế hoạch, chỉ huy sang phát triển kinh tế thị trường: “kinh tế thị trường là sự lựa chọn duy nhất thay thế cho thể chế quản lý kinh tế quốc dân theo mệnh lệnh hành chính đã lỗi thời”⁽⁸⁾.

Đảng Cộng sản Liên Xô cho rằng, cần phải thực hiện chế độ tư hữu bởi vì: Chế độ công hữu dưới hình thức sở hữu nhà nước thực chất là loại hình sở hữu quan liêu, nguồn gốc trực tiếp sinh ra sự tha hóa trong xã hội. Chính chế độ sở hữu nhà nước sinh ra một tập đoàn thống trị quan liêu, tạo ra một kiểu quan hệ làm thuê mới giữa nhà nước và người lao động. Chế độ công hữu tạo ra sự mất công bằng trong xã hội vì nó là chế độ sở hữu độc quyền, độc quyền trong sở hữu dẫn đến độc quyền trong phân phối, làm mất khả năng cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ nền kinh tế, cản trở nâng cao đời sống nhân dân. Do đó, muốn khắc phục khủng hoảng thì phải xóa bỏ chế độ độc quyền sở hữu nhà nước.

Về chính trị, lúc đầu Liên Xô chủ trương hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, sau chuyển sang chủ nghĩa xã hội dân chủ, nhân đạo, từng bước phủ định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, phủ nhận chủ nghĩa Mác. Tháng 1/1987, Đảng Cộng sản Liên

6 - *Sđd*, tr. 860.

7 - *Sđd*, tr. 860.

8 - *Sđd*, tr. 962.

Xô triệu tập Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương bàn về cải tổ chính trị, đặt ra nhiệm vụ “dân chủ hóa”, “công khai hóa”, đây được coi như các giải pháp bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội Liên Xô phát triển lành mạnh. Năm 1987, Gorbachev cho công bố tác phẩm “*Cải tổ và tư duy mới*” với các nội dung chủ yếu: (1) Cho rằng nguồn gốc cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, cản trở công cuộc cải tổ chính trị là thiếu dân chủ, do vậy, dân chủ hóa là hạt nhân và mục tiêu cải tổ chính trị; (2) lấy công khai hóa làm một trong những biện pháp để thực hiện dân chủ hóa nhằm phát huy tính sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, thành phần kinh tế; công khai hóa còn được xem là hình thức kiểm tra có hiệu lực của toàn dân đối với hệ thống chính trị; (3) về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, “tư duy mới” đặt ra yêu cầu phải phân định rõ ràng, mạch lạc chức năng, nhiệm vụ Đảng và chính quyền, tăng cường vai trò các Xô viết. Gorbachev cho rằng, chế độ mệnh lệnh hành chính làm cho Xô viết mất vai trò của mình, nhiều vấn đề quan trọng của đất nước nhưng không có Xô viết tham gia (do chế độ mệnh lệnh hành chính sinh ra), nói cách khác quyền làm chủ của nhân dân bị vi phạm. Khẩu hiệu mới được nêu ra, trả lại quyền lực cho Xô viết, Đảng tách khỏi chính quyền nhà nước.

Từ năm 1990, Liên Xô chuyển sang xây dựng nhà nước pháp quyền, thành lập chính quyền tổng thống, thực hiện chế độ đa đảng. Các nhà lãnh đạo Liên Xô cho rằng, do xã hội đa dạng về thành phần, tầng lớp, lợi ích... đặt ra yêu cầu cần có cơ chế để mọi lực lượng đều có thể biểu đạt ý kiến của mình. Họ cho rằng, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản chính là độc quyền chính

trị, đi ngược lại với các nguyên tắc của xã hội dân chủ. Đảng Cộng sản Liên Xô cũng quyết định thay đổi cơ chế vận hành bộ máy nhà nước từ “tam quyền thống nhất” sang “tam quyền phân lập” để tránh tình trạng quyền lực bao trùm, lạm dụng quyền lực. Năm 1990, Liên Xô đã sửa đổi Hiến pháp, xóa bỏ điều khoản quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, từng bước thực hiện chế độ đa đảng, chính quyền tổng thống, xem xét lại chế độ tập trung dân chủ, chế độ liên bang... Đại hội XXVIII đã thống nhất thông qua Cương lĩnh chung với tinh thần “tiến lên chủ nghĩa xã hội nhân đạo”.

Về tư tưởng, Đảng Cộng sản Liên Xô chủ trương chống độc tôn tư tưởng, cho rằng, chủ nghĩa Mác ra đời từ thế kỷ XIX, lý luận của V.I. Lênin ra đời đầu thế kỷ XX, hiện tại xã hội đã thay đổi rất nhiều, do vậy phải có tư tưởng mới để chỉ đạo cách mạng. Đảng Cộng sản Liên Xô không lấy toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lênin làm tư tưởng chỉ đạo, mà chỉ kế thừa di sản chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng thoát khỏi cách giải thích giáo điều, cùng với đó, phải kế thừa các thành tựu của tư tưởng nhân loại.

Về đối ngoại, Đảng Cộng sản Liên Xô phủ định đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới. Họ cho rằng, mặc dù thế giới tồn tại nhiều mâu thuẫn nhưng giữa các nước, các thể chế chính trị có quan hệ tác động qua lại phụ thuộc, thống nhất với nhau. Không thể xem chung sống hòa bình giữa các quốc gia có chế độ xã hội khác nhau là hình thức đặc biệt của đấu tranh giai cấp, xóa bỏ tình trạng đối kháng giữa hai hệ thống, tuyên truyền sự hợp tác lẫn nhau.

Từ đó cho thấy, trong quá trình cải tổ, Liên Xô đã thực hiện ba bước chuyển lớn:

Thứ nhất, từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường có điều tiết, kinh tế thị trường; *thứ hai*, từ chuyên chính vô sản sang nhà nước pháp quyền; *thứ ba*, từ chế độ nhất nguyên sang chế độ đa nguyên, thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa. Đây thực chất là đi theo con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ. Tuy nhiên, việc cải tổ đó không làm Liên Xô phát triển mà lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng hơn, nhất là trong đời sống chính trị. Từ tháng 1/1991, khi các đảng phái và phong trào chính trị chính thức được hoạt động công khai, hợp pháp, họ đã tuyên bố là lực lượng chính trị đối lập với Đảng Cộng sản Liên Xô. Mùa hè năm 1990, 11 đảng và phong trào dân chủ đã thống nhất thành lập khối “trung gian” đòi Chính phủ Liên bang từ chức. Các tổ chức chính trị đối lập đã tiến hành hội nghị thông qua lời kêu gọi gửi Quốc hội và nhân dân các nước cộng hòa đòi giải thể Liên bang Xô Viết; một số đảng cộng sản vùng Ban tích tuyên bố rút khỏi Đảng Cộng sản Liên Xô.

Như vậy, mục đích ban đầu của cải tổ nhằm hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, sau chuyển sang phủ định toàn diện những thành tựu của chủ nghĩa xã hội; từ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản sang xây dựng “chủ nghĩa xã hội dân chủ nhân đạo”. Hậu quả cuối cùng, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết tan rã vào ngày 25/12/1991.

3. Một số bài học kinh nghiệm từ thực tiễn công cuộc cải tổ và sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô

Một là, cần nhận thức đúng nội dung, tính chất, nhiệm vụ, độ dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bản thân các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cho

rằng, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là giai đoạn cải biến cách mạng kéo dài, nhiệm vụ trung tâm là xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội: “giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có một thời kỳ quá độ là thời kỳ chuyên chính vô sản, thời kỳ dài, có ít hoặc nhiều khó khăn...”⁽⁹⁾. Ở Liên Xô, trong một thời kỳ dài, đã tồn tại tư tưởng chủ quan, nóng vội xem thời kỳ quá độ là giai đoạn ngắn, chính vì vậy đã có những quyết sách không phù hợp với quy luật phát triển khách quan.

Hai là, trong công cuộc cải tổ phải nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ giữa cải tổ kinh tế và cải tổ chính trị. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, xét đến cùng yếu tố kinh tế quyết định yếu tố chính trị, do vậy phải cải tổ kinh tế thành công, vững chắc sau đó mới cải tổ chính trị. Trong khi đó, Liên Xô cải tổ kinh tế thất bại vội vàng cải tổ về chính trị. Trong quá trình cải tổ chính trị, có những bước đi phung lưu, mạo hiểm, trong khi đất nước đang ở hoàn cảnh cam go, thử thách, kinh tế khó khăn, các lực lượng chống cộng dâng cao thì lại từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, từ bỏ chuyên chính vô sản, thực hiện đa nguyên, đa đảng.

Ba là, phải nắm vững nguyên tắc chuyên chính vô sản, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong thời kỳ quá độ. Một trong những yêu cầu cơ bản của thời kỳ quá độ về mặt chính trị là phải nắm vững chuyên chính vô sản, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Xa rời những quan điểm có tính nguyên tắc đó sẽ dẫn tới khủng hoảng, sụp đổ. C.Mác cho rằng, thời kỳ quá độ “không

9 - V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 35, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tr. 316.

thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản"⁽¹⁰⁾; còn V.I. Lênin khẳng định thực chất của chuyên chính vô sản là: "Việc tổ chức đội tiên phong của những người bị áp bức thành giai cấp thống trị để trấn áp bọn áp bức"⁽¹¹⁾. Như vậy, có thể hiểu, sau khi giành được chính quyền, để đảm bảo quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân lao động thì việc thực hiện chế độ chuyên chính vô sản là con đường tất yếu: "Con đường tiến lên, nghĩa là tiến lên chủ nghĩa cộng sản, phải trải qua chuyên chính vô sản chứ không thể đi theo con đường nào khác cả"⁽¹²⁾. Việc Đảng Cộng sản Liên Xô trong quá trình cải tổ thực hiện đa nguyên, đa đảng, từ bỏ vai trò lãnh đạo là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Về tổ chức bộ máy nhà nước, trong quá trình cải tổ, Liên Xô đã thực hiện "tam quyền phân lập", đây cũng là một cách làm trái với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi tổng kết Công xã Paris, C.Mác cho rằng: "Công xã không nên là một cơ quan đại nghị, mà phải là một cơ thể hành động, vừa hành chính, vừa lập pháp"⁽¹³⁾. Còn V.I. Lênin đã đưa ra tư tưởng tổ chức hệ thống chính quyền Xô Viết trên cơ sở thống nhất quyền lập pháp và hành pháp: "Công xã Pa-ri đã xóa bỏ, và từ lâu chủ nghĩa Mác đã chỉ ra tính chất hẹp hòi và hạn chế của nó, nhất là chế độ đại nghị, về việc tách rời quyền hành

pháp ra khỏi quyền lập pháp. Hợp nhất hai quyền ấy lại, các xô viết làm cho bộ máy nhà nước gắn gũi với quần chúng lao động..."⁽¹⁴⁾. Trong thời kỳ quá độ, để bảo đảm quyền lực thuộc về giai cấp công nhân, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhất thiết không thực hiện tam quyền phân lập.

Bốn là, bài học về dân chủ hóa, công khai hóa. Trong quá trình cải tổ, Đảng Cộng sản Liên Xô đã tuyệt đối dân chủ hóa và công khai hóa, coi đó như "liều thuốc vạn năng" để sửa chữa các khuyết điểm của mô hình cũ. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh cụ thể lúc đó, nhận thức và hành động như trên là không phù hợp. Vì thực tế lịch sử cho thấy, không ở đâu có dân chủ tuyệt đối, dân chủ bao giờ cũng có tính giai cấp, phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - xã hội, hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa là cái mới, chưa có tiền lệ. Việc Đảng Cộng sản Liên Xô chủ trương toàn dân thảo luận, toàn dân quyết định, nhân dân tự phán quyết tất cả, thực chất là làm đơn giản hóa, tầm thường hóa nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tương tự như vậy, không có công khai tuyệt đối, công khai không phải giải pháp duy nhất để dân chủ hóa, hậu quả "công khai hóa" ở Liên Xô dẫn đến Đảng, Nhà nước không nắm bắt, kiểm soát được ý thức xã hội, nhiều thông tin bí mật không có lợi cho sự phát triển đất nước cũng bị công khai. Báo chí không còn tiếng nói của Đảng, Chính phủ, không còn sức chiến đấu, trách nhiệm xã hội, mà trở thành tiếng nói của lực lượng phản động, nói xấu chế độ, kích động hận thù, mâu thuẫn dân tộc. (xem tiếp trang 62)

10 - C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, tập 19, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 47.

11 - V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 33, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tr. 160.

12 - V.I.Lênin: *Sđd*, tập 33, tr. 159.

13 - C.Mác và Ph.Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 449.

14 - V.I.Lênin: *Toàn tập*, tập 38, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr. 114 - 115.

Phát triển công chức cấp xã người dân tộc thiểu số phải phù hợp với khoa học công nghệ đang được áp dụng và những dự kiến thay đổi công nghệ trong tương lai của nền hành chính. Vì vậy, Nhà nước phải quản lý để kịp thời có đội ngũ công chức cấp xã người dân tộc thiểu số đáp ứng được đòi hỏi, yêu cầu thực thi nhiệm vụ.

Tóm lại, khi xây dựng, phát triển đội ngũ công chức cấp xã người dân tộc thiểu số, Nhà nước cần phải quan tâm đến việc hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật; chú trọng công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch; yếu tố về văn hóa, truyền thống; điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, miền nơi người dân tộc thiểu số sinh sống. Đây là những nhân tố ảnh

hưởng sâu sắc đến sự phát triển đội ngũ công chức cấp xã người dân tộc thiểu số. ▣

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thị Hạnh: “Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã từ sau Hội nghị Trung ương 5 khóa IX và một số kiến nghị”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 3/7/2015.
2. Trần Văn Ngợi: “*Công tác xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và một số vấn đề đặt ra hiện nay*”, Báo điện tử Viện Khoa học tổ chức nhà nước.
3. Nguyễn Đăng Thành: *Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
4. Dương Trung Ý: “*Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn*”, Báo điện tử Nxb. Chính trị quốc gia, 2013.

CÔNG CUỘC CẢI TỔ VÀ SỰ SỤP ĐỔ... (tiếp trang 45)

Việc phân công, phân nhiệm vai trò của Đảng và Nhà nước là đúng, nhưng chỉ nhấn mạnh một chiều phân công mà không nói đến vai trò lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và hệ thống chính trị là chưa đầy đủ. Ngoài ra, công tác cán bộ là một bài học quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải lựa chọn được những cán bộ trung thành với chế độ, lợi ích của nhân dân, không dao động trước những khó khăn, thử thách. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ là vi phạm các nguyên tắc trên.

Những bài học kinh nghiệm trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với Việt Nam. Việt Nam đang trên con đường Đổi mới toàn diện đất nước, trong quá trình đó, không phải không có ý kiến đòi “đa nguyên, đa đảng”, thực hiện “tam quyền phân lập”, “dân chủ hóa”, “công khai hóa”... với những lý lẽ khác nhau. Thực tiễn công cuộc cải tổ, xa rời

các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin dẫn đến sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cần được xem là bài học sâu sắc với Việt Nam hiện nay.

Tổng kết 30 năm thực hiện công cuộc Đổi mới, Đảng ta đã rút ra những bài học quan trọng: “Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan...”, trong quá trình đó phải “kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam”⁽¹⁵⁾. ▣

15 - ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 69.